TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ….18.... / TB - CNTĐ - ĐT

THÔNG BÁO KẾT QUẢ CHẤM THI PHÚC KHẢO
KỲ THI : HK I_ NĂM HỌC: 2020 - 2021

Stt	Mã SV	Họ tên học sinh	Lớp HP	Môn	Khoa QLHP	Điểm đã PK	Ghi chú
01	19511QS0328	Danh Dàn	CSK10404002	Quản lý quan hệ khách hàng	QTKD	1.0	
02	19211QT2324	Trần Thị Thu Trang	CSK10404001	Quản lý quan hệ khách hàng	QTKD	5.5	
03	18211QT0349	Phan Thanh Vân	CNC10424001	Dự báo hoạt động và tính toán giá cả	QTKD	7.0	
04	19311QS0247	Triệu Quỳnh Như	CNT42612001	Đầu tư và đánh giá hiệu quả	QTKD	7.0	
05	19511QS0174	Trần Thị Bảo Ngân	CNT42612001	Đầu tư và đánh giá hiệu quả	QTKD	1.5	
06	18211QT2731	Đồng Thị Thu Thấm	TNC10403101	Quản lý dự án	QTKD	4.0	
07	19211CD0748	Trần Hữu Hòa	CNC12301001	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	CNTĐ	1.5	
08	20211KS0703	Nguyễn Văn Hào	CSK11504007	An toàn an ninh trong nhà hàng - khách sạn	DL	**4.0**	
09	20211DC3363	Trần Đức Đôn	CSC11104104	Lý thuyết mạch	Điện-ĐT	0.5	
10	17211DD2927	Đỗ Đức Lương Nguyên	CSC11101002	An toàn điện	Điện-ĐT	1.5	
11	18211CK2469	Bùi Nguyễn Đức Thành	NNK10003102	Anh văn 1B	TA	2.0	
12	17211OT3176	Lê Đăng Khoa	NNC10002004	Anh văn 2	TA	**3.0**	
13	18211CK3272	Lê Vân Trường	NNC10002005	Anh văn 2	TA	2.0	
14	17211CD0647	Trần Lê Đăng Khôi	NNC10002006	Anh văn 2	TA	1.5	
15	17211QT2910	Lê Đình Công Thành	NNC10002006	Anh văn 2	TA	1.5	
16	18211KD5431	Võ Thành Ty	NNC10002007	Anh văn 2	TA	**3.0**	
17	18211OT0282	Lục Vũ Anh	NNC10002009	Anh văn 2	TA	1.5	
18	18211KT1366	Lê Thị Minh Thi	NNC10002009	Anh văn 2	TA	1.0	
19	17211OT2815	Huỳnh Phạm Tú	NNC10002009	Anh văn 2	TA	2.0	
20	18211TA0806	Hoàng Thái Duy	CSC11613103	Grammar 1	TA	3.0	
21	18211TA2850	Trần Thị Trang	CSC11611201	Writing 2	TA	0.0	
22	19211TT1441	Nguyễn Hồng Lợi	CNC10747005	Lập trình ứng dụng	CNTT	**8.5**	
23	19211TT2713	Quách Trần Thanh Tuyền	CNC10747005	Lập trình ứng dụng	CNTT	**8.5**	
24	19211TT2444	Trần Thị Hoài Trang	CNC10747005	Lập trình ứng dụng	CNTT	**8.5**	
25	19211TT0047	Hồ Sĩ Hùng	CNC10747005	Lập trình ứng dụng	CNTT	**8.5**	
26	19211LG0669	Bùi Quang Huy	CNC10403008	Xử lý bảng tính	CNTT	6.0	

Stt	Mã SV	Họ tên học sinh	Lớp HP	Môn	Khoa QLHP	Điểm đã PK	Ghi chú
27	18211TA2979	Trần Huyền Lệ Quyên	CSC11611102	Writing 1	TA	1.0	
28	18211TA3062	Nguyễn Thị Ngọc Thu	CSC11611102	Writing 1	TA	1.0	
29	18211DD4802	Trần Minh Trang	CSC11209001	Truyền động điện	Điện-ĐT	3.0	
30	19211TT0047	Hồ Sĩ Hùng	CNC10742002	Lập trình Java	CNTT	8.0	
31	19211TT2216	Hồ Viết Long	CNC10742002	Lập trình Java	CNTT	6.5	
32	20211QT2456	Nguyễn Thị Anh Thư	DCC10019140	Tin học	CNTT	**4.0**	
33	19211TA4299	Phạm Thị Thanh Hà	NNC11601104	Tiếng Hàn 1	TH	**8.0**	
34	17211CK1262	Lê Đức Đông Anh	CSC10104002	Nguyên lý chi tiết máy	CKCTM	2.5	
35	16211TA1620	Cao Thị Đào	CNC10403010	Xử lý bảng tính	CNTT	0.0	
36	18211TA5273	Nguyễn Thị Oanh	CSC11611102	Writing 1	TA	2.0	
37	19211KS2103	Lê Xuân Thưởng	CNC11511001	Nghiệp vụ thanh toán	DL	**2.5**	
38	19211KS3705	Nguyễn Thị Thủy Tiên	CNC11511002	Nghiệp vụ thanh toán	DL	3.5	
39	19211KS1572	Phạm Thị Bích Ngọc	CNC11524004	Anh văn giao tiếp trong khách sạn	DL	**3.5**	
40	18211CK4350	Nguyễn Minh Hiếu	NNK10003101	Anh văn 1B	TA	**3.0**	
41	18211CK3269	Đỗ Quốc Hùng	NNC10002006	Anh văn 2	TA	**2.5**	
42	17211TA4094	Phạm Thị Mỹ Duyên	CSC11611102	Writing 1	TA	**3.0**	
43	16211TA0347	Đoàn Nguyễn Ngọc Châu	CSC11611103	Writing 1	TA	**3.0**	
44	20211TM0861	Lâm Gia Minh	CSC10605202	Kỹ thuật lập trình 1	CNTT	1.0	
45	19211DK3202	Nguyễn Đình Vũ	CNC12302001	Vi điều khiển và ứng dụng	CNTĐ	**2.0**	

Tp. HCM, ngày . 06 . tháng . 03 . năm 2021

KT.TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Dương Đức Phú

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Phương Đại